

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai năm 2017 tỉnh Long An

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 năm 2013 được Quốc Hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH), ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh trong năm 2017 và tạo tiền đề những năm tiếp theo, UBND tỉnh Long An xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2017 như sau:

Phần I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực cho các tầng lớp nhân dân về phòng, chống thiên tai và “*Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*”, từ đó nhân dân có ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản.

2. Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, đồng thời khẩn trương khắc phục hậu quả của thiên tai.

4. Nâng cao năng lực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (BCH PCTT và TKCN) các cấp để chủ động ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương khi có thiên tai xảy ra đạt hiệu quả. Quán triệt và thực hiện theo phương châm “*bốn tại chỗ*” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

5. Lồng ghép Kế hoạch phòng, chống thiên tai và thích ứng BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. Đặc điểm tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Long An có vị trí địa lý khá đặc biệt thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là tỉnh cuối nguồn của hệ thống sông Mê Kông. Tọa độ địa lý: 105°30' 30" đến 106°47'02" kinh độ Đông và 10°23'40" đến 11°02'00" vĩ độ Bắc.

- Phía Đông giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh
- Phía Tây giáp với tỉnh Đồng Tháp
- Phía Bắc tiếp giáp với nước Campuchia
- Phía Nam giáp với tỉnh Tiền Giang.

Long An có đường ranh giới quốc gia với Campuchia dài: 134,7 km, với hai cửa khẩu Bình Hiệp (Mộc Hóa) và Mỹ Quý Tây (Đức Huệ).

1.2. Địa hình

Nhìn tổng quát, tỉnh Long An có địa hình bằng và trũng thấp, cao độ biến đổi từ 0,45 ÷ 6,5 m, cao độ trung bình là 0,75 m. Vùng đất xám giáp Campuchia và khu vực cuối vùng Đông Nam Bộ (ĐNB) có độ cao trung bình 2,0 - 3,8 m; vị trí có cao trình cao nhất ở huyện Đức Hòa là 6,5 m.

Địa hình có xu thế thấp dần theo hướng Tây Bắc - Đông Nam theo chiều dòng chảy của sông Vàm Cỏ Đông (VCD). Nơi tiếp giáp với bậc thềm đồi gò phù sa cổ của vùng Đông Nam Bộ ở Đức Hoà và Đức Huệ, tồn tại những dải địa hình xen kẽ giữa đồi gò và vùng trũng thấp.

1.3. Đặc điểm khí tượng thủy văn

Long An nằm trong vùng đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo có nền nhiệt ẩm phong phú, ánh nắng dồi dào, thời gian bức xạ dài, biên độ nhiệt ngày đêm giữa các tháng trong năm thấp, ôn hòa.

a. Nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình hàng tháng 27,2 - 27,7°C. Thường vào tháng 4 có nhiệt độ trung bình cao nhất 28,9 °C, tháng 1 có nhiệt độ trung bình thấp nhất là 25,2 °C. Biên độ nhiệt giữa các tháng trong năm dao động từ 2 - 4°C. Thời gian chiếu sáng bình quân ngày từ 6,8 - 7,5 giờ/ngày và bình quân năm từ 2.500 - 2.800 giờ.

b. Độ ẩm

Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 80 - 82%. Các tháng có độ ẩm trung bình tháng nhỏ nhất là các tháng II-V, các tháng có độ ẩm trung bình cao là các tháng IX, X.

c. Lượng mưa

Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 có gió Đông Bắc, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 có gió Tây Nam. Lượng mưa hàng năm biến động từ 1100 - 2400 mm. Mùa mưa chiếm trên 70 - 82% tổng lượng mưa cả năm, giảm dần từ khu vực giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh xuống phía Tây và Tây Nam. Các huyện phía Đông Nam gần biển có lượng mưa ít nhất. Cường độ mưa lớn làm xói mòn ở vùng gò cao, đồng thời mưa kết hợp với triều cường, với lũ gây ra ngập úng, sạt lở ở những vùng đất yếu, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của dân cư.

d. Thủy triều

Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch trong khu vực tỉnh Long An chằng chịt, nối liền với hệ thống sông Tiền, chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam; gồm có các

sông chính là: Sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ, sông Rạch Cát. Trong đó, hai hệ thống sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây hợp lưu thành sông Vàm Cỏ đổ ra cửa sông Soài Rạp thoát ra biển Đông.

Các hệ thống sông chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ biển Đông qua cửa sông lớn Soài Rạp. Thời gian 1 ngày triều là 24 giờ 50 phút, một chu kỳ triều là 13-14 ngày. Biên độ triều lớn ảnh hưởng vào khá sâu trong đất liền. Vùng chịu ảnh hưởng lớn và trực tiếp của thủy triều nhiều nhất là vùng ven sông các huyện phía Nam của tỉnh.

1.4. Đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh là 4.492,28 km², chiếm tỷ lệ 1,3 % so với diện tích cả nước và bằng 8,74 % diện tích của vùng ĐBSCL. Trong đó:

1) Đất thổ cư: 24.942,43 ha

2) Đất nông nghiệp: 609.817,63 ha.

Trong đó:

- + Đất trồng lúa : 519.126 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm : 14.711 ha.
- + Đất rừng : 25.736,03 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản : 8.698,6 ha.

3) Đất khác: 22.330 ha.

Theo điều tra cơ bản, Long An có 6 nhóm đất chính: đất phù sa cổ (chiếm 21,5% diện tích), đất phù sa ngọt (chiếm 17,04% diện tích), đất phù sa nhiễm mặn (chiếm 1,26% diện tích), đất phèn (chiếm 55,47% diện tích) và đất than bùn (chiếm 0,05% diện tích). Phần lớn đất đai Long An được tạo thành ở dạng phù sa bồi lắng lẫn nhiều tạp chất hữu cơ nên đất có dạng cấu tạo rời rạc, tính chất cơ lý rất kém, các vùng thấp, trũng tích tụ độc tố làm đất trở nên chua phèn, bất lợi trong sản xuất nông nghiệp.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1. Dân số

Theo Cục Thống kê tỉnh Long An, tổng dân số của tỉnh đến cuối năm 2015, là: 1.484.655 người, trong đó nam là 737.302 người, nữ là: 747.353 người. Mật độ dân số bình quân 330 người/km², trong đó phân bố tập trung ở TP. Tân An: 1.643 người/Km², huyện Cần Đước: 786 người/Km², Cần Giuộc: 817 người/Km², Châu Thành: 656 người/Km²; ngược lại, ở Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Mộc Hóa, Thạnh Hóa chỉ có 98 ÷ 180 người/Km²;

Số lao động trong độ tuổi từ 16 đến 60 tuổi đối với nam là 493.600 người (chiếm 33,25% tổng dân số), lao động trong độ tuổi từ 16 đến 54 tuổi đối với nữ là 445.162 người (chiếm 29,98% tổng dân số); trong đó lao động trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản là 386.175 người; lao động trong sản xuất công nghiệp, xây dựng 256.023 người và lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ 238.008 người.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2009, toàn tỉnh Long An có 28 dân tộc cùng 23 người nước ngoài sinh sống. Trong đó dân tộc kinh có 1.431.644 người, Người Hoa có 2.690 người, 1.195 người

Kho Me cùng nhiều dân tộc khác, ít nhất là các dân tộc Cờ Lao, Chu Ru và Raglay chỉ có 1 người...

Tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2009, toàn tỉnh Long An có 11 tôn giáo khác nhau chiếm 206.999 người. Trong đó, nhiều nhất là Phật giáo với 125.118 người, tiếp theo đó là đạo Cao Đài với 98.000 người, thứ 3 là Công Giáo 31.160 người cùng các tôn giáo ít người khác như Đạo Tin Lành có 3.480 người, Phật Giáo Hòa Hảo có 2.2221 người, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam có 242 người, Hội Giáo có 230 người, Bửu Sơn Kỳ Hương có 43 người, Minh Sư Đạo và Minh Lý Đạo mỗi đạo có 38 người, ít nhất là Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với chỉ 11 người.

2.2. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2016 cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng: khu vực I (sản xuất nông – lâm - ngư nghiệp): chiếm tỷ trọng 26,2% giảm 2,4% so với năm 2014; khu vực II (công nghiệp – xây dựng): chiếm 42,7% tăng 1,6% so với năm 2014; khu vực III (thương mại – dịch vụ): chiếm 31,1% tăng 0,8% so với năm 2014.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 50,4 triệu đồng/người/năm (KH 50 triệu đồng/người/năm).

2.3. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Sản xuất nông nghiệp

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích lúa gieo trồng năm 2016 được 527.404 ha, tăng 0,9% so với năm 2015, năng suất 53,6 tạ/ha, giảm 2,2 tạ/ha so với năm 2015, chủ yếu ảnh hưởng do thiệt hại của hạn, xâm nhập mặn trong vụ Đông Xuân 2015-2016, vụ Mùa 2016, sản lượng 2.802.143 tấn đạt 99,4% KH, bằng 96% so với năm 2015. Trong đó lúa chất lượng cao đạt 950.000 tấn, tăng 169.743 tấn so với năm 2015 (780.257 tấn).

Một số loại cây trồng chuyển đổi như: thanh long, chanh, đậu phộng, khoai lang, khoai mì và rau màu các loại có diện tích cao hơn so với năm 2015; các cây trồng khác như bắp, khoai mỡ, mè, mía giảm so với năm 2015, do thời tiết không thuận lợi cho việc xuống giống cây trồng cận ngắn ngày, giá tiêu thụ không ổn định người nông dân chuyển sang cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Cụ thể:

- *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi trong năm 2016 tương đối phát triển, sản lượng thịt hơi các loại tăng so với năm 2015 tuy phải đối mặt với các nguy cơ dịch bệnh, giá đầu tư đầu vào cao trong khi giá sản phẩm bán ra không ổn định.

Năm 2016, tổng đàn heo 299.210 con (tăng 15,83% so với cùng kỳ); đàn bò 142.325 con (tăng 51,5%); đàn gia cầm 8.160,3 triệu con (tăng 11,9%). Sản lượng thịt xuất chuồng: Thịt heo 43.599 tấn (tăng 0,5% so với cùng kỳ), thịt trâu 518 tấn (đạt 80,1 so với cùng kỳ), thịt bò 4.133 tấn (tăng 6,5%), gia cầm 24.798 tấn (tăng 1,6%), trứng các loại 192.465 quả (tăng 5%)

b. Lâm nghiệp

Diện tích rừng đến 31/12/2015 có 25.625,33 ha rừng, trong đó rừng sản xuất : 21.455 ha; rừng đặc dụng: 2.094,5 ha; rừng phòng hộ: 2.075,83 ha, giảm 110,76 ha so với đầu năm 2015 do chuyển sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn (lúa: 98,26 ha, làm đường giao thông: 02 ha, sản xuất kinh doanh: 03 ha, nuôi trồng thủy sản: 7,5 ha).

Đã trồng mới khoảng 4,322 triệu/KH 1,5 triệu cây phân tán các loại. Đồng thời cung ứng 15.800 cây sao, dầu cho 53 xã trên địa bàn tỉnh và 5.000 cây cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy bộ đội biên phòng, Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh, Tỉnh đoàn.

Mùa khô năm 2016 xảy ra sớm, kéo dài và diễn biến phức tạp, nguy cơ cháy rừng ở mức báo động V; xảy ra 11 vụ cháy và đã kịp thời dập tắt, thiệt hại nhỏ 1,41ha tràm trồng của dân

c. Nuôi trồng thủy hải sản

Năm 2016 nuôi thủy sản nước lợ: Diện tích thả nuôi tôm nước lợ là 5.958 ha, đạt 85,1% kế hoạch, bằng 92,5% so với cùng kỳ. Diện tích thu hoạch là 4.898,2 ha, bằng 95,6% so với cùng kỳ, năng suất bình quân 2,1 tấn/ha; sản lượng là 10.347 tấn, đạt 76,6% kế hoạch, bằng 85,8% so với 2015. Nuôi thủy sản nước ngọt: Diện tích thả nuôi là 2.990 ha, đạt 83% kế hoạch, bằng 105,6% so với cùng kỳ; đã thu hoạch 2.990 ha và 12.387 m³, với tổng sản lượng 28.598 tấn, đạt 85,5% kế hoạch, bằng 94,8% so với năm 2015.

Nuôi tôm gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh gây thiệt hại cho người sản xuất. Diện tích tôm bị thiệt hại là 931,8 ha, chiếm 15,5% tổng diện tích thả nuôi, nguyên nhân chủ yếu là do sốc môi trường, hội chứng hoại tử gan tụy cấp, bệnh đốm trắng.

d. Công nghiệp – xây dựng

Tăng trưởng 15,4% (KH 15,2%), trong đó công nghiệp tăng 16%, xây dựng tăng 10,5%. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2016 tăng 13,2% so với năm 2015. Giá trị sản xuất công nghiệp 42.353,2 tỷ đồng (giá cố định 1994) đạt 100,6% KH, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 15,6%).

e. Thương mại – dịch vụ

Năm 2016 thương mại - dịch vụ tăng trưởng 12% (KH 12%), trong đó: thương mại tăng 11,9% và dịch vụ tăng 12% (so với cùng kỳ năm 2015 tăng 11,8%, trong đó: thương mại tăng 11,7% và dịch vụ tăng 11,8%).

2.4. Cơ sở hạ tầng, vật chất

a. Đối với các công trình công cộng

• Trường học:

Toàn tỉnh hiện có 670 cơ sở giáo dục từ giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đến giáo dục chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục khác bao gồm: 204 trường mầm non (trong đó có 13 trường tư thục); 259 trường tiểu học; 136 trường Trung học cơ sở; 47 trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở và phổ thông, 17 trung tâm GDTX-KTTH, 03 trường trung cấp chuyên nghiệp (01 tư thục), 01 trường cao đẳng sư phạm, 01 Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật. Ngoài ra, có 192 Trung tâm học tập cộng đồng tại 192 xã, phường, thị trấn và 13 Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học; có 368 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 43,7%.

- Về cơ sở vật chất trường học từ mầm non đến phổ thông hiện có 100% trường học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố. Về tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 98,80%, phòng học tạm chiếm 1,2%. Cụ thể:

+ Cấp học mầm non: tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 98,29%, phòng học tạm chiếm 1,7%;

+ Cấp tiểu học: tỷ lệ phòng kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 98,77%, phòng học tạm chiếm 1,23%;

+ Cấp THCS: tỷ lệ phòng kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 99,32%, phòng học tạm chiếm 0,68%;

+ Cấp THPT: tỷ lệ phòng kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 99,06%, phòng học tạm chiếm 0,94%;

• **Y tế:**

Về năng lực hiện có của ngành y tế tính đến cuối năm 2016:

- Tổng số bệnh viện: 09 (trong đó: 01 BV đa khoa và 03 BV chuyên khoa tuyến tỉnh; 03 BV đa khoa khu vực; 02 BV đa khoa tư nhân).

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Tân An: 15

- Phòng khám đa khoa khu vực: 04

- Trạm Y tế xã, phường, thị trấn: 192

- Số bác sĩ /vạn dân: 6,02 BS /vạn dân

- Tổng số giường kế hoạch: 3200 giường (không tính giường trạm y tế) trong đó: giường công lập: 3.120 (tuyến tỉnh: 1.830, tuyến huyện: 1.140, PKĐKKV: 150) và giường tư nhân: 80 (Bệnh viện Segaero: 50, Bệnh viện Tân Tạo: 30). Tỷ lệ giường bệnh /10.000 dân là: 21,5 (năm 2014: 20,5).

- Số cán bộ y tế: 5544, trong đó bác sĩ: 1133; dược sĩ: 77

+ Số xã có BS: 192 /192 xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ: 100%

+ Cán bộ Y tế ấp: 1023, tỷ lệ: 100% ấp có cán bộ y tế

- Tỷ lệ giảm sinh con thứ 3 năm 2015: 0,71%

- Tỷ lệ Tiêm chủng mở rộng trẻ em <1 tuổi: 97,3%; Tiêm chủng khác: VAT thai phụ đạt 94,1%, VAT 15-16 tuổi đạt 97,4%, Sởi-Rubella 1-14 tuổi đạt 98,6%

- Đội y tế lưu động: Tuyến tỉnh: 04 đội (trong đó 01 đội điều trị và 01 lực lượng huy động khi có tình huống khẩn cấp ngành Y tế, 01 đội điều trị Bệnh viện đa khoa Long An và đội phòng chống dịch); Tuyến huyện: 15 đội cấp cứu của mỗi huyện.

- Số xe cứu thương toàn tỉnh đang sử dụng: 36 xe (nếu cần huy động khi có tình huống khẩn cấp 15 xe)

• **Hội trường, nhà văn hóa:**

Tính đến cuối năm 2016 trên toàn tỉnh có 16 Trung tâm Văn hóa (01 TTVH tỉnh, 15 TTVH huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An). Có 110/192 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa (chiếm 57,29%), dự kiến giai đoạn 2016 – 2020 sẽ có thêm 14 xã, thị trấn có Trung tâm Văn hóa, còn lại 68 xã, thị trấn chưa có Trung tâm Văn hóa. Có 41 Trung tâm Văn hóa được sử dụng kết hợp làm hội trường, đầu tư xây dựng và nâng cấp 51 hội trường, xây dựng kiên cố 90 Trung tâm Văn hóa, có 19 Trung tâm Văn hóa còn bán kiên cố. Tại 15 huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An đều có hội trường riêng của UBND, và 01 hội trường lớn (Hội trường Thống nhất) của UBND tỉnh.

b. Đối với nhà ở:

* Phân loại nhà ở: Theo thống kê của Sở xây dựng hiện trạng nhà ở dân cư đến cuối năm 2019: Tổng số nhà ở trên địa bàn tỉnh là 321.986 căn, trong đó nhà ở kiên cố đạt chuẩn của Bộ Xây dựng là 245.297 căn, chiếm tỷ lệ 76%; nhà chưa đạt chuẩn của Bộ Xây dựng là 67.417 căn, chiếm tỷ lệ 21%; nhà tạm, dột nát là 9.272 căn, chiếm tỷ lệ 3%.

* Các Cụm tuyến dân cư:

Toàn tỉnh có 165 cụm, tuyến dân cư vượt lũ (104 cụm, 61 tuyến). Tổng số hộ dân vào ở hiện nay là: 16.725 hộ/34.197 hộ, đạt tỷ lệ khoảng 49%. Các công trình cụm, tuyến dân cư vượt lũ đã giúp cho các huyện vùng Đồng Tháp Mười từng bước ổn định dân cư theo hướng phát triển nông thôn mới; nâng cao dân trí, kinh tế xã hội được cải thiện, giải quyết hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn,....

c. Hệ thống giao thông:

Tính đến thời điểm cuối năm 2016, toàn tỉnh có 7.166 km đường bộ (trong đó đường quốc lộ là 217,41 km, đường tỉnh là 952,56 km, đường đô thị là 436,74 km, đường huyện 938,18 km, đường xa 4516,50 km, đường chuyên dùng 4,66 km). Đường bê tông nhựa là 616,77 km; đường đá dăm nhựa là 997,201 km; đường bê tông xi măng là 784,69 km; đường đá, gạch: 6.679,67 km và đường đất là 1.087,70 km.

Hệ thống cầu các loại trên địa bàn tỉnh hiện có 1.698 cầu với tổng chiều dài 55.422,52 m (trong đó, cầu trên Quốc lộ 62 là 27 cái; trên đường tỉnh là 334 cái; trên đường đô thị 43 cái; trên đường huyện 143 cái; trên đường xã 1151 cái). Cầu bê tông cốt thép 1.243 cái; cầu thép 223 cái; cầu treo 16 cái; cầu gỗ 216 cái.

Hệ thống giao thông đường thủy nội địa: Số lượng các tuyến đò ngang trên địa bàn các huyện của tỉnh Long An gồm có: Tân An 03, Tân Trụ 05, Châu Thành 05, Thủ Thừa 21, Bến Lức 06, Đức Hòa 10, Đức Huệ 07, Cần Đước 08, Cần Giuộc 07, Thạnh Hóa 11, Tân Thạnh 08, Mộc Hóa 15, Tx Kiến Tường 04, Tân Hưng 13, Vĩnh Hưng 10.

Các phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh: Xe buýt 134 xe, xe đò 98 xe, xe hợp đồng 378 xe, xe tải 476 xe.

d. Hệ thống thủy lợi:

- Tổng số công trình thủy lợi phục vụ công tác phòng chống thiên tai có đến năm 2016:

+ Hệ thống kênh chính tạo nguồn, cấp I: Toàn tỉnh hiện có 17 kênh chính tạo nguồn và 1.320 kênh cấp I, chiều dài: 3.871,615 km.

+ Hệ thống kênh cấp II: 1.493 kênh, chiều dài: 3.228,659 km.

+ Hệ thống kênh cấp III: 492 kênh, chiều dài: 759,405 km.

+ Hệ thống cống: Nhiệm vụ chính là ngăn mặn, giữ ngọt, tưới tiêu.

+ Toàn tỉnh hiện có: 788 cống lấy nước và tiêu thoát nước lớn, nhỏ.

+ Trạm bơm: 04 trạm bơm điện quy mô lớn (Đức Hòa: 3 trạm, Đức Huệ: 01 trạm) được xây dựng chủ yếu từ những năm 1990 – 1992, được đại tu sửa chữa nâng cấp từ năm 2014-2016, phục vụ tưới cho 3.830 ha; có 167 trạm bơm điện vừa

và nhỏ phục vụ bơm tưới cho 25.381 ha.

+ Hệ thống đê bao lũng khép kín: 1.144 ô bao, diện tích bảo vệ 124.817 ha.

+ Hệ thống đê bao triệt để chống xâm nhập mặn, ngăn lũ và triều cường kết hợp làm đường giao thông nông thôn ở các huyện phía Nam gồm các tuyến đê bao ven sông Rạch Cát, Vàm Cỏ, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây. Tổng chiều dài các tuyến đê là 208 km, diện tích được bảo vệ khoảng 49.000 ha.

e. Hệ thống đường điện:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh hệ thống lưới điện trung thế 22 KV đã phủ khắp các xã, phường, thị trấn. Có 11.605 trạm biến áp với 4.141,836 km đường dây điện trung thế 22 KV.

f. Hệ thống thông tin liên lạc:

Theo thông kê của Sở Thông tin truyền thông tính đến cuối năm 2016 trên địa bàn tỉnh có 01 Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (01 trạm phát chính đặt tại thành phố Tân An, 01 trạm phát lại đặt tại huyện Vĩnh Hưng), 15 Đài Truyền thanh huyện và 1.247 trạm truyền thanh ấp, khu phố, mỗi trạm truyền thanh ấp, khu phố có 01 loa phát thanh; 102.647 số thuê bao điện thoại cố định và 69.436 số thuê bao điện thoại di động trả sau. Hàng năm trước mùa mưa bão, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ khi xảy ra thiên tai.

g. Công trình nước sạch, vệ sinh môi trường:

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả
1	Số trạm cấp nước nông thôn	trạm	1.410
2	Số trạm cấp nước thuộc khu vực thành thị	trạm	102
3	Ước tổng số hộ nông thôn toàn tỉnh	hộ	305.292
4	Số hộ sử dụng nước HVS	hộ	286.974
5	Tỉ lệ hộ sử dụng nước HVS	%	94
6	Số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn	hộ	48.847
7	Tỉ lệ hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn	%	16
8	Số hộ sử dụng nước máy (Nước máy là nguồn nước từ các nhà máy nước hoặc trạm cấp nước nông thôn)	hộ	207.188
9	Tỉ lệ hộ sử dụng nước máy	%	67,9
10	Số hộ sử dụng nguồn nước nhỏ lẻ (nước mưa, giếng gia đình, nước ao)	hộ	98.104
11	Tỉ lệ hộ sử dụng nguồn nước nhỏ lẻ	%	32,1
12	Số hộ nông thôn có nhà tiêu HVS	hộ	209.125
13	Tỉ lệ hộ nông thôn có nhà tiêu HVS	%	68,5
14	Số hộ nông thôn chưa có nhà tiêu HVS	hộ	96.167
15	Tỉ lệ hộ nông thôn chưa có nhà tiêu HVS	%	31,5
16	Số xã có tổ chức thu gom rác	xã	102
17	Tỉ lệ số xã có tổ chức thu gom rác	%	61,4
18	Số phường (thị trấn) có tổ chức thu gom rác	phường	26
19	Tỉ lệ phường (thị trấn) có tổ chức thu gom rác	%	100

II. TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

1. Tình hình thiên tai

- Long An thuộc vùng ngập lũ sâu, cuối nguồn và cũng nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn, đông lốc xoáy, áp thấp nhiệt đới và bão.

- Các huyện Đồng Tháp Mười bị ảnh hưởng cháy rừng và chua phèn cục bộ, xói lở bờ sông có xảy ra nhưng mức độ chưa nghiêm trọng. Mùa mưa thường xảy ra hiện tượng đông lốc, mùa khô có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao.

- Vùng hạ phía Nam và các vùng ven 2 sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, sông Rạch Cát bị ảnh hưởng trực tiếp của triều cường, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất và cũng chịu ảnh hưởng đông lốc, bão và áp thấp nhiệt đới.

2. Các thiên tai thường xảy ra trên địa bàn

2.1. Lũ lụt

a. Đặc điểm:

Hàng năm, lũ xảy ra trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung ở các huyện vùng Đồng Tháp Mười (Tân Hưng, Vĩnh Hưng, thị xã Kiến Tường, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Bắc Thủ Thừa, Đức Huệ, Đức Hòa, Bến Lức). Lũ bắt đầu đổ về từ đầu hoặc trung tuần tháng 7 và kéo dài đến khoảng cuối tháng 11 hàng năm. Trong thời gian này mưa tập trung với lượng và cường độ lớn nhất trong năm gây ngập úng, thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng và đời sống của người dân.

Lũ lớn đã xảy ra liên tiếp trong 3 năm như: năm 2000, 2001, 2002, trong đó năm 2000 xuất hiện lũ lịch sử trong vòng 70 năm qua, lũ hình thành do mưa lớn nhiều đợt ở vùng trung và thượng nguồn sông Mê Kông cùng với lượng mưa lớn khác thường tại chỗ. Năm 2011 đã xuất hiện lũ rất lớn tương đương năm 2000 và năm 2013 lũ cũng cao hơn trung bình nhiều năm.

b. Thiệt hại do lũ:

- Năm 2000 lũ lớn đã gây thiệt hại nặng nề về mùa màng, nhà cửa dân cư và kết cấu hạ tầng của tỉnh, có 78 người chết. Ước tổng thiệt hại về vật chất do lũ lụt khoảng 671 tỷ đồng.

- Năm 2011 lũ lớn đã làm chết 13 người do gia đình bất cẩn đã để trẻ em bị đuối nước. Ước tổng giá trị thiệt hại sản xuất, kết cấu hạ tầng khoảng 946,828 tỷ đồng.

2.2. Đông lốc, sét, mưa đá:

a. Đặc điểm: Đông lốc, sét thường xuất hiện trong giai đoạn chuyển mùa. Tuy là dạng thiên tai cục bộ, chỉ xảy ra trên diện hẹp, nhưng lại vô cùng nguy hiểm vì nó diễn ra đột ngột, khó dự báo trước được để phòng tránh.

b. Thiệt hại do đông, lốc, sét, mưa đá:

Năm 2016, đông, lốc đã gây sập 15 căn nhà, tốc mái 84 căn đá. Ước giá trị thiệt hại do đông, lốc xoáy khoảng 1,069 tỷ đồng.

2.3. Hạn hán/nắng nóng

- Những năm gần đây, hạn hán diễn biến ngày càng gay gắt, thời gian kéo dài. Hạn hán xảy ra hầu khắp địa bàn của tỉnh, nặng nhất là các huyện phía Nam.

- Hạn hán/nắng nóng làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, sản xuất bị mất mùa, giảm năng suất, chi phí sản xuất tăng cao. Gia súc, gia cầm bị dịch bệnh, chết, ô nhiễm môi trường. Nguyên nhân do người dân chưa có ý thức bảo vệ sức khỏe, kênh mương bị bồi lắng, chưa có kế hoạch dự trữ nước, kỹ thuật chăm sóc lúa, rau màu, gia súc, gia cầm chưa tốt.

2.4. Xâm nhập mặn

- Thường xảy ra từ tháng 12 năm trước đến tháng 6 năm sau. Cao điểm mặn xâm nhập sâu vào nội đồng ở các tháng 2 – 4. Các huyện vùng hạ thường bị ảnh hưởng trực tiếp, những năm hạn nặng, mặn có thể xâm nhập sâu lên vùng Đồng Tháp Mười.

- Năm 2016 độ mặn giới hạn 1,0 g/l xuất hiện xa nhất là đến thị trấn Đông Thành - Sông Vàm Cỏ Đông - huyện Đức Huệ, và đến Kênh rạch Cái Tôm (sông Vàm Cỏ Tây) - huyện Tân Thạnh, cách cửa sông Soài Rạp khoảng 130 km. Tổng diện tích thiệt hại do xâm nhập mặn ước tính 9.490,89 ha (lúa, rau màu, cây ăn trái), tổng kinh phí thiệt hại khoảng 191,437 tỷ đồng.

2.5. Cháy rừng

- Nguồn gốc do tự nhiên và thường là do con người vì bất cẩn làm cháy và lan rộng. Thường xảy ra cháy rừng vào mùa khô, trên địa bàn các huyện Đức Huệ, Tân Hưng, Thạnh Hóa, Thủ Thừa,... gây thiệt hại từ vài ha đến vài chục ha, riêng năm 2005 cháy rừng gây thiệt hại trên 500 ha.

- Cháy rừng đã làm mất nơi cư trú của một số loài chim, các loài bò sát, làm mất cân bằng sinh thái, nạn dịch chuột và các sinh vật gây hại sẽ bùng phát. Mất diện tích rừng sẽ làm cho dòng chảy lũ mạnh hơn đất đai dễ bị xói mòn sụt lở

2.6. Xói lở bờ sông

- Do mất ổn định kết cấu đất bờ sông kết hợp với dòng nước chảy xiết bào mòn. Hiện tượng này thường xảy ra cặp những sông, rạch, kênh lớn và có lưu tốc dòng chảy lớn kèm theo địa chất mềm yếu dễ bị xói mòn, sụt lở.

- Theo kết quả điều tra khảo sát từ năm 2006 đến nay trên địa tỉnh Long An có 42 điểm sạt lở chủ yếu sạt lở nhiều ở các huyện Tân Hưng, Cần Đức, Cần Giuộc, Bến Lức, Châu Thành,... với tổng chiều dài sạt lở trên 28.000 m. Ước thiệt hại khoảng 1 tỷ 025 triệu đồng.

- Sạt lở bờ sông gây mất đất sản xuất, cây trồng, vật nuôi, gây thiệt hại về nhà cửa, tài sản thậm chí ảnh hưởng đến tính mạng của người dân.

2.7. Bão, áp thấp nhiệt đới

a. Đặc điểm: Thường xuất hiện trên biển Đông. Khi đổ bộ vào đất liền, gió to đặc biệt là mưa lớn và nước dâng gây thiệt hại và kéo theo các hiểm họa khác như lũ lụt và sạt lở đất. Thường xuất hiện trong mùa mưa bão. Tuy nhiên thời gian gần đây có nhiều diễn biến phức tạp bất thường, không theo quy luật, số lần xảy ra trong năm ngày càng ít nhưng cường độ ngày càng dữ dội và có khả năng xuất hiện bão mạnh, siêu bão.

b. Thiệt hại do bão, ATNĐ:

Trên địa bàn tỉnh từ trước đến nay hầu như không có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra trực tiếp, mà chỉ bị ảnh hưởng, tuy nhiên cũng làm thiệt hại không ít đến tài sản

người dân, cụ thể như:

- Bão số 5 (bão Linda) xuất hiện vào đầu tháng 11/1997, đã làm thiệt hại 11 căn nhà sập, 38 căn bị tốc mái hư hỏng, 55 km đê và 22 cống bị sạt lở, hàng chục ngàn hecta lúa bị ngập, đồ ngã giảm năng suất, hoa màu và diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại mất trắng. Ước tổng thiệt hại do bão số 5 trên 26 tỷ đồng.

- Bão số 9 (Durian) xuất hiện năm 2006, đã gây thiệt hại nhiều đến các huyện Cần Đước, Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành, 02 người bị thương, sập 88 căn nhà, tốc mái 215 căn, 09 ghe tàu chìm, 01 xà lan cát chìm và nhiều km đường dây điện, cột điện hạ thế bị ngã; 3000 ha lúa Đông Xuân bị đồ ngã giảm năng suất 10%... Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 4,4 tỷ đồng.

3. Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi quản lý

a. Về sản xuất: Thiên tai gây thiệt hại mất mùa, ảnh hưởng đến sản xuất mùa vụ như tốn kém kinh phí, giống cây, thời vụ,... làm giảm năng suất, sản lượng. Những năm lũ lớn vụ Hè Thu vùng ĐTM của tỉnh bị mất trắng hàng ngàn ha lúa, hoa màu, thủy sản, ... Hạn hán, xâm nhập mặn sâu vào nội đồng cũng làm ảnh hưởng đến sản xuất mùa vụ, thiệt hại lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản, ô nhiễm nguồn nước,... ở các huyện phía Nam của tỉnh.

b. Về cơ sở hạ tầng: Lũ lụt, triều cường gây ngập sâu và kéo dài làm sạt lở, hư hỏng xuống cấp kết cấu hạ tầng (đường giao thông, cầu, các công trình công cộng,...) đặc biệt là các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, cấp điện, cấp nước, liên lạc,... từ đó ảnh hưởng đến việc tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới cho vùng bị thiên tai bị hạn chế. Do đó, để phát triển xây dựng an toàn lĩnh vực này đòi hỏi tốn kém về kinh phí, kỹ thuật,....

c. Về dân sinh: Khi thiên tai xảy ra, đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng phải đối mặt với mất mát về tính mạng và tài sản. Đời sống bị xáo trộn, thiếu phương tiện mưu sinh làm cho thu nhập thấp không ổn định. Đối với những hộ nghèo thì tình trạng dễ bị tổn thương càng cao, càng dễ bị ảnh hưởng thiệt hại, kinh tế càng khó phát triển. Vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiệt hại thiên tai ít có khả năng thu hút đầu tư vì kinh phí đầu tư quá lớn để đảm bảo phòng ngừa thiên tai mà hiệu quả không cao.

- Ngoài ra, thiên tai còn tác động đến lĩnh vực an ninh quốc phòng, tạo điều kiện cho nhiều phần tử cơ hội nảy sinh trà trộn làm mất trật tự, an ninh xã hội. Trên khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, lũ lụt gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý dân cư, vì trong điều kiện bị ảnh hưởng thiên tai, người dân Campuchia đã nhiều lần di tản qua biên giới tránh lũ...

4. Nhận định nguy cơ xảy ra thiên tai trong thời gian tới

- Theo nhận định của ngành chuyên môn, về tình hình thời tiết thiên tai trong thời gian tới sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp do ảnh hưởng tác động của biến đổi khí hậu, tiềm ẩn nhiều thảm họa do thiên tai gây ra. Các hiện tượng nắng hạn, mưa, bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy,... xảy ra thường xuyên và có chiều hướng gia tăng. Các cơn bão có xu hướng mạnh, đến rất mạnh và hình thành ở vĩ độ thấp. Bão xảy ra bất thường khó dự đoán và cũng kết thúc muộn hơn và có xu thế dịch chuyển về phía Nam nên mưa lớn, gió giật, triều cường khả năng sẽ ảnh hưởng trực tiếp ở các tỉnh Nam

Trung Bộ và Nam Bộ, gây thiệt hại lớn đến sản xuất và đời sống. (Khi đó tỉnh Long An sẽ bị ảnh hưởng các huyện Cần Đức, Cần Giuộc, Châu Thành, Tân Trụ).

- Rừng ở khu vực thượng nguồn bị tàn phá, các quốc gia trong lưu vực sông Mê Kông chưa có thống nhất kế hoạch trị thủy chung nên tình hình lũ vẫn chưa giải quyết hài hòa, còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều các nước khu vực hạ lưu, đặc biệt là Việt Nam. Mặt khác, do yêu cầu cuộc sống, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng ảnh hưởng lũ lụt cũng không ngừng mở rộng, phát triển, dân số vùng lũ cũng ngày càng đông hơn. Do đó, dự báo lũ lụt trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn, đột biến về cường suất, thời gian và quy mô nếu không có giải pháp đối phó đồng bộ, phù hợp.

- Vùng ven sông bị ảnh hưởng triều cường mạnh hơn do gió bão, ATNĐ.

- Tình hình đông lốc, mưa lớn, hạn hán, xâm nhập mặn có thể xảy ra trên diện rộng hơn ở các vùng địa phương khác trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trong thời gian tới các loại hình thiên tai mới cũng có thể xảy ra ở khu vực ngoài tỉnh gây ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh như:

- Nước dâng xảy ra ở vùng cửa biển ảnh hưởng tới các huyện vùng hạ Cần Đức, Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành. Khi nước dâng có thể làm sạt lở, hư hỏng, vỡ đê bao, làm cho diện tích đất sản xuất bị ngập nước, nhiễm mặn gây thiệt hại mùa màng, khắc phục cải tạo đất tốn kém, khó khăn và lâu dài.

- Động đất tháng 11/2005 tuy không thiệt hại đến người và tài sản, nhưng cũng cảnh báo Long An cũng thuộc vùng bị ảnh hưởng của các đợt dư chấn động đất. Đây là hiện tượng thiên tai mới, kiến thức hiểu biết về phương án cũng như kinh nghiệm phòng tránh và khắc phục chưa có nên cần được quan tâm lưu ý để có khuyến cáo, cảnh báo phòng tránh cho cộng đồng.

- Sự cố Hồ Dầu Tiếng sẽ gây ảnh hưởng đến Long An về ảnh hưởng ngập lụt.

5. Thông tin đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)

5.1. Về an toàn cộng đồng

a. Vật chất: Toàn tỉnh có 12.470 căn nhà bán kiên cố, đơn sơ ven sông. Tổng số trẻ em (dưới 14 tuổi) là 333.511 người; người già (trên 60 tuổi) là 150.788 người; phụ nữ đơn thân nghèo đang nuôi con là 109 người. Số hộ nghèo toàn tỉnh là 11.480 hộ (chiếm 2,98%), số hộ cận nghèo là 13.527 hộ (chiếm 3,44%); số người bị thiếu đói (năm 2016) là 957 lượt người; Tổng số người khuyết tật là 21.097 người.

Có khoảng 10% người dân chưa biết bơi, 20% hộ dân chưa có xuồng đi lại trong mùa lũ, 20% hộ dân không có dự trữ lương thực. Người dân làm nghề đánh bắt cá trong mùa lũ thường không có áo phao khi đi trên sông. Có 1.087,787 km đường giao thông nông thôn là đường đất, 216 cây cầu gỗ. Hệ thống loa truyền thanh ở các ấp sử dụng lâu năm xuống cấp, thường xuyên bị hư hỏng. Các ấp, xã chưa được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, dụng cụ cứu hộ cứu nạn.

Trên toàn tỉnh vẫn còn khoảng 1.303 hộ dân chưa có điện sinh hoạt. Phần đường dây sau điện kế (ngành điện không quản lý): tình trạng người dân sử dụng dây cộc gỗ, tre (cây tạm) để kéo dẫn đường điện vẫn còn tại một số khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng hẻo lánh nông thôn gây mất an toàn khi xảy ra thiên tai.

b. Tổ chức xã hội: Kinh phí hoạt động cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn còn hạn hẹp, nên chưa tổ chức thường xuyên các buổi tuyên truyền, tập huấn, diễn tập cho các đội cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân. Không có kinh phí mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn.

c. Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ: Một bộ phận người dân, còn chủ quan, lơ là cho rằng không bao giờ có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra trên địa bàn, nhận thức về Biến đổi khí hậu còn hạn chế. Khoảng 5% hộ dân chưa chấp hành lệnh sơ tán khi có lệnh vì thái độ chủ quan và sợ mất tài sản.

5.2. Sản xuất, kinh doanh

a. Vật chất: Ngành nghề sản xuất trên địa bàn tỉnh gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ,... trong đó ngành nông nghiệp chiếm đa số.

- *Sản xuất nông nghiệp:* Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp ước khoảng 360.306 người (nam 60%, nữ 40%) chủ yếu là trồng trọt thủ công, phần lớn người dân không có máy móc cơ giới để sản xuất phải đi thuê (máy cày, máy gặt đập...). Chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, manh mún, người dân chưa có trình độ kỹ thuật chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh và chuồng trại chưa đảm bảo.

- *Lâm nghiệp:* diện tích rừng trồng cá thể, thừa thớt, không tập trung, thiếu lực lượng bảo vệ rừng, các chủ rừng chưa trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ để phòng cháy, chữa cháy rừng.

- *Nuôi trồng thủy sản:* như nuôi tôm ở các huyện vùng hạ, nuôi cá, ếch, lươn,... ở các huyện vùng thượng vào mùa lũ. Tuy nhiên, do chưa có quy hoạch vùng nên chủ yếu bà con nông dân nuôi nhỏ lẻ, thiếu tập trung, thiếu vốn sản xuất và chưa áp dụng được tiến bộ kỹ thuật nên bị dịch bệnh nhiều.

- *Công nghiệp – xây dựng:* đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, điều kiện làm việc chưa đảm bảo. Còn rải rác nhiều nơi chưa có nhiều khu, cụm công nghiệp.

- *Thương mại – dịch vụ:* Một số hộ dân còn buôn bán nhỏ lẻ, thiếu vốn, khó phát triển.

b. Tổ chức xã hội: Việc thực hiện liên kết 4 nhà và bao tiêu đầu ra sản phẩm cho nông dân chưa được hiệu quả, bị thương lái ép giá. Chưa hỗ trợ bảo hiểm trong sản xuất cho người dân. Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động không hiệu quả. Một số chính sách hỗ trợ trong sản xuất, kinh doanh chưa phù hợp, người dân không tiếp cận được.

c. Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ: Một số người dân chưa áp dụng khoa học kỹ thuật còn sản xuất theo kinh nghiệm và chưa sử dụng giống lúa xác nhận, chưa gieo sạ theo lịch thời vụ. Khoảng 80% người dân chưa hiểu biết về biến đổi khí hậu. Khoảng 90% người dân chưa sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động trong sản xuất.

5.3. Sức khỏe vệ sinh môi trường

a. Vật chất: Trạm y tế xã nằm xa địa bàn các ấp. Trang thiết bị y tế của các xã, ấp còn thiếu. Khoảng 32,1% hộ dân chưa được sử dụng nước sạch (nước máy). Nước ở các trạm cấp nước chảy yếu chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người dân. Chưa

có điểm thu gom rác và thùng đựng rác tập trung ở các tuyến dân cư, các ấp, số xã chưa có tổ chức thu gom rác 38,6%. Đa số người dân tự xử lý rác thải bằng cách gom lại rồi đốt, 31,5% hộ dân chưa có hoặc có nhà tiêu chưa đảm bảo hợp vệ sinh. Các hộ chăn nuôi cá thể chưa có biện pháp xử lý nước thải còn thải trực tiếp ra kênh, rạch.

b. Tổ chức xã hội: Thiếu trang thiết bị y tế tại các ấp. Chưa thành lập đội thu gom rác thải ở các ấp. Chưa có thiết bị thu gom rác. Thiếu thùng đựng rác. Không có bãi rác tập trung. Cán bộ thú y còn quá ít chưa đáp ứng nhu cầu người dân. Khoảng 30% người dân chưa tham gia BHYT.

c. Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ: Một số người dân chưa quan tâm chăm sóc sức khỏe, khi có bệnh tự mua thuốc uống không đến các cơ sở khám chữa bệnh để điều trị. Khoảng 40% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường còn vứt rác bừa bãi ra kênh rạch nhất là các chai, lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật.

6. Thông tin đánh giá về năng lực phòng chống thiên tai

6.1. Nguồn lực về con người

- Hàng năm UBND các cấp từ tỉnh đến huyện, xã đều củng cố Ban Chỉ huy PCTT và TKCN. Có phân công công việc cụ thể cho từng thành viên và có kế hoạch cụ thể hàng năm. Triển khai Chỉ thị, Kế hoạch cho chính quyền, các đoàn thể và người dân cùng thực hiện. Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm công tác PCTT và TKCN hàng năm.

- Lực lượng cứu hộ cứu nạn gồm Quân sự, bộ đội biên phòng công an, cảnh sát phòng cháy chữa cháy, y tế, hội chữ thập đỏ, lực lượng xung kích, thanh niên tình nguyện, hội nông dân, cựu chiến binh,... Mỗi xã có từ 1-2 đội cứu hộ, cứu nạn.

- Phần lớn người dân nắm được thông tin về thiên tai và chủ động phòng tránh. Khoảng 95% hộ dân chấp hành sơ tán khi có lệnh. Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau khi thiên tai xảy ra, chủ động đóng góp vật tư để khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Phần đông người dân có kiến thức trong chăm sóc sức khỏe điều trị bệnh. 60% người dân có ý thức bảo vệ môi trường có tổ chức thu gom và xử lý rác tại gia đình.

6.2. Kết cấu hạ tầng

- Toàn tỉnh có 235.706 nhà kiên cố, 165 cụm, tuyến dân cư có khả năng sơ tán, di dời nhân dân khi có lũ lớn. 100% hộ có điện sử dụng. 100% hệ thống đường điện trung thế cơ bản đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

- Hệ thống đường giao thông cơ bản đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc di dân khi có thiên tai xảy ra.

- 192/192 xã, phường, thị trấn có trụ sở UBND xã kiên cố. 46,9% xã có Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng đảm bảo kiên cố đưa dân vào trú ẩn.

- Toàn tỉnh hiện có 670 cơ sở giáo dục từ giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đến giáo dục chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục khác, trong đó 368 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 57,07%. Tỷ lệ huy động học sinh đúng độ tuổi từng cấp học đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. 100% các trường học đã được đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố.

- Có 1.698 cầu giao thông kiên cố trên các đường QL và đường tỉnh, 1.243 cầu bê tông cốt thép, 223 cầu thép.

- 192/192 xã có trạm y tế đảm bảo kiên cố vững chắc.

6.3. Vật tư trang thiết bị

Theo kết quả kiểm kê trang thiết bị cứu hộ cứu nạn đến ngày 01/01/2017 tỉnh Long An:

- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn tính đến nay trên địa bàn tỉnh có 2.283 xuồng cứu hộ các loại; 16 tàu TKCN loại trên 2 tấn; 17 tàu TKCN loại trên 5 tấn; 01 tàu TKCN TTKS 750 cv; 69 ca nô; 35 xe cứu hộ các loại; 47 vỏ lãi; 77 máy phát điện; 244 bộ nhà bạt các loại; trên 8.875 phao áo cứu sinh; 6.349 phao tròn cứu sinh; 61 phao bè cứu sinh; 232 loa cầm tay; 247 máy chữa cháy, máy phát điện, máy bơm nước các loại; 17 xe chữa cháy các loại; 217 cơ sở thuốc phòng chống thiên tai, 12 cơ sở thuốc khắc phục sau thiên tai; 500 kg thuốc lọc nước;

- Có 36 xe cứu thương (15 xe dự trữ khi xảy ra khẩn cấp).

- Đội y tế lưu động: Tuyển tỉnh: 04 đội (trong đó 01 đội điều trị và 01 lực lượng huy động khi có tình huống khẩn cấp ngành Y tế, 01 đội điều trị Bệnh viện đa khoa Long An và đội phòng chống dịch); Tuyển huyện: 15 đội cấp cứu của mỗi huyện.

- Có 01 Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, 15 đài truyền thanh huyện và 1.247 trạm truyền thanh ấp, khu phố, 1.247 loa phát thanh; 102.647 số thuê bao điện thoại cố định và 69.436 số thuê bao điện thoại di động trả sau.

- Khoảng 96% hộ dân có tivi. 100% hộ dân có điện thoại di động. Khoảng 80% hộ dân có xe máy. 60% hộ dân vùng lũ có xuồng đi lại trong mùa lũ. 80% hộ dân có dự trữ lương thực trong nhà. 10% người dân có áo phao khi đi trên sông.

- Về mặt hàng lương thực, thực phẩm: năm 2016 toàn tỉnh có tổng lượng gạo dự trữ thường xuyên khoảng hơn 200.000 tấn gạo; mì ăn liền khoảng 37.750 thùng; nước uống đóng chai 183.800 thùng; dầu ăn nước mắm, nước tương, đường cát... huy động khoảng 99 tấn.

- Nhiên liệu toàn tỉnh có mức dự trữ thường xuyên khoảng 2 triệu lít. Vật liệu xây dựng khoảng 2.200 m² tấm lợp mạ kẽm 500 kg đinh vít và 200 kg dây thép.

- Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 125 chợ truyền thống ở các huyện, thị xã Kiên Tường và thành phố Tân An có thể dự trữ được số lượng hàng hóa, nhu yếu phẩm lớn để phục vụ cho nhân dân trong vùng bị ảnh hưởng thiên tai.

III. KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2017

1. Tổ chức phòng ngừa

1.1. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn là một nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội phải xây dựng phương án lồng ghép vào các nội dung hoạt động của tổ chức mình để vận động đoàn viên, hội viên tích cực thực hiện.

- Các trường Tiểu học, Trung học cơ sở – Trung học phổ thông đưa nội dung phòng, chống thiên tai vào giảng dạy cho học sinh, đặc biệt là các rủi ro thiên tai có thể xảy ra trong bão, lụt như: chết người, bị thương, ô nhiễm môi trường...

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể mở các lớp tập huấn về Nâng cao năng lực cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, nhằm nâng cao nhận thức, năng lực phòng, chống thiên tai cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai và lực lượng tìm kiếm cứu hộ cứu nạn từ cấp tỉnh đến địa phương nhân dân.

1.2. Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền Luật phòng, chống thiên tai như tổ chức các cuộc thi, qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các cuộc tìm hiểu về phòng, chống thiên tai trong nhân dân và trong học sinh. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thanh, truyền hình, các bảng panô, áp phích, tờ rơi,....

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng, thay mới một số cụm loa truyền thanh và nâng cấp trang bị thêm hệ thống âm thanh tại các xã ấp để thông tin kịp thời tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế của địa phương, công tác dự báo, cảnh báo, đặc biệt là công tác chỉ đạo, chỉ huy biện pháp phòng tránh ứng phó với thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

1.3. Quy hoạch khu dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; rà soát, xác định các khu vực nguy hiểm có khả năng chịu ảnh hưởng của thiên tai để có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai xảy ra.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch các khu dân cư đặc biệt là khu dân cư có nguy cơ ảnh hưởng thiên tai.

1.4. Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.

Quản lý, duy trì tốt lực lượng xung kích tại các địa phương, nắm chắc số lượng, tổ chức huấn luyện công tác PCTT- TKCN, đảm bảo chấp hành tốt lệnh điều động khi có tình huống xảy ra. Kiểm tra, rà soát mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai như: Áo phao, máy phát điện, loa cầm tay, dụng cụ sơ cấp cứu.... bằng nguồn lực sẵn có của địa phương và trong nhân dân, các trang thiết bị này phải được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung thay thế hàng năm trước mùa mưa bão (01/7 hàng năm).

1.5. Thực hiện tổng hợp các giải pháp

Tập trung triển khai thực hiện tốt các biện pháp công trình và phi công trình về phòng tránh ứng phó với thiên tai.

1.5.1. Giải pháp phi công trình.

a) Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một trong những giải pháp tích cực phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, các hoạt động chủ yếu.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD.

+ Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cộng đồng về QLTTCD.

+ Tổ chức triển khai kế hoạch diễn tập PCTT và huy động sự tham gia cộng đồng.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai, QLRRTT DVCD.

- Thành lập các Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã, Nhóm cộng đồng.

- Tổ chức thực hiện Đề án 1002 theo Kế hoạch.

+ Tổ chức 01 khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện.

b) Củng cố Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp

- Rà soát, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

c) Nâng cao năng lực PCTT và TKCN cho đội tìm kiếm cứu hộ cứu nạn các cấp.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh; Đội tìm kiếm cứu hộ cứu nạn cấp huyện, xã hàng năm tổ chức:

- Huấn luyện, diễn tập về ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ;

- Bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ cho cán bộ trực tiếp làm công tác PCTT và TKCN các cấp;

- Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các loại phương tiện TKCN;

- Bảo dưỡng vật tư thiết bị, vận hành phương tiện để chủ động ứng phó bão lũ; Lập kế hoạch trang bị, bổ sung phương tiện, vật tư thiết bị.

- Tranh thủ sự chỉ đạo và hỗ trợ về nguồn lực của các cấp chính quyền và Bộ, ngành để tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả công tác PCTT và TKCN.

d) Bảo đảm thông tin liên lạc cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp

Sở Thông tin - Truyền thông bảo đảm thông tin liên lạc trong toàn tỉnh phục vụ công tác chỉ huy, điều hành phòng ngừa, ứng phó thiên tai:

- Chỉ đạo các đơn vị triển khai biện pháp kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các công trình, trang thiết bị thông tin – truyền thông, có phương án đảm bảo mạng lưới hoạt động thông suốt.

- Cảnh báo Công chức, viên chức và người lao động theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai.

- Tổ chức trực PCTT 24/24 để kịp thời xử lý khi xảy ra sự cố; Chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai lực lượng, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo thông tin liên lạc trong toàn tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh sử dụng mạng thông tin nội bộ phục vụ chỉ huy, điều hành ứng phó.

- Chuẩn bị máy phát điện, thiết bị truyền dẫn, chuyển mạch, hệ thống điện thoại cố định và di động, xe thông tin di động GSM, xe thông tin di động vô tuyến, sóng ngắn, mạng thông tin chuyên dùng Inmarsat, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành PCTT và TKCN trong mọi tình huống.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án di dời dân vùng ngập sâu, vùng ven biển chịu ảnh hưởng của bão, lũ về nơi an toàn.

STT	Huyện	Số xã/ số dân	Xã, phường ảnh hưởng bão, lũ cần sơ tán dân
1	Cần Giuộc	7/8,100	Long Phụng, Đông Thạnh, Tân Tập, Phước Vĩnh Đông, Phước Vĩnh Tây, Phước Lại, Long Hậu
2	Cần Đước	9/17,291	Long Hựu Tây, Long Hựu Đông, Long Khê, Long Cang, Tân Chánh, Tân Lân, Phước Tuy, Tân Trạch, Tân Ân
3	Tân Trụ	11/15,600	An Nhứt Tân, Tân Phước Tây, Bình Tịnh, Thị trấn Tân Trụ, Nhứt Ninh, Đức Tân, Bình Trinh Đông, Mỹ Bình, Quê Mỹ Thạnh, Lạc Tấn, Bình Lãng
4	Châu Thành	13/14,711	Hòa Phú, Vĩnh Công, Hiệp Thạnh, Thị trấn Tầm Vu, Dương Xuân Hội, Long Trì, An Lục Long, Thanh Phú Long, Thuận Mỹ, Thanh Vĩnh Đông, Phước Tân Hưng, Phú Ngãi Trị, Bình Quới

g) Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt

- Dùng giống lúa ngắn ngày cho thu hoạch trước tháng 15/8 đối với các huyện vùng Đồng Tháp Mười.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng các loại cây ít có nhu cầu về nước đối với những vùng ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn và có nguy cơ cảnh hưởng bởi xâm nhập mặn (các huyện phía Nam).

- Trồng cây trồng cạn trên đất lúa kém hiệu quả tăng thu nhập cho nông dân và phòng ngừa rủi ro thiên tai.

- Xây dựng cánh đồng lớn cho các loại cây trồng với kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh.

- Dùng giống cây trồng mới cho năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh.

h) Về lĩnh vực vật nuôi

- Thực hiện các biện pháp nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi trong điều kiện thời tiết bất thường.

- Tu sửa, che chắn chuồng trại. Thường xuyên vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại.

- Dự trữ thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm.

- Tiêm phòng đầy đủ cho đàn gia súc, gia cầm. Tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, tiêu độc sát trùng để ngăn chặn dịch bệnh phát sinh.

2. Giải pháp công trình.

a) Xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên cơ sở kế hoạch giai đoạn 5 năm 2016-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt;

b) Xây dựng nhà ở an toàn, nhà tránh trú bão.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các kết cấu hạ tầng ở địa phương như UBND các xã, thị trấn, các trường học đạt chuẩn quốc gia, các trung tâm văn hóa sinh hoạt cộng đồng xã, thị trấn kết hợp làm địa điểm sơ tán cho người dân khi xảy ra thiên tai.

c) Kiên cố hóa trường học

Tiếp tục triển khai chương trình kiên cố hóa trường lớp để đảm bảo an toàn dạy học và phục vụ tránh trú bão nhân dân địa phương. Cơ sở vật chất trường học từ mầm non đến phổ thông hiện có 100% trường học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố.

d) Nâng cấp các tuyến giao thông đảm bảo công tác cứu hộ cứu nạn khi thiên tai xảy ra;

e) Nâng cấp các tuyến đường điện.

- Cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện trung hạ thế khu vực trung tâm thị xã, thành phố thuộc tỉnh Long An thuộc dự án cải tạo lưới điện phân phối tại các thành phố vừa và nhỏ vay vốn kfw3: triển khai trên địa bàn TP Tân An, TX Kiến Tường và 04 huyện: Bến Lức, Đức Hòa, Cần Giuộc, Cần Đước nhằm cải tạo lại lưới điện trong các khu vực TP, TX và Thị trấn. Khối lượng thực hiện của dự án gồm: 66,41km đường dây trung áp, 199,61km đường dây hạ áp, 147 trạm biến áp/19.905kVA với tổng vốn đầu tư là khoảng 186,88 tỷ đồng.

- Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ thế khu vực nông thôn tỉnh Long An thuộc dự án tín dụng ngành điện lần 3 vay vốn JICA: triển khai trên địa bàn toàn tỉnh Long An với mục tiêu là đầu tư và cải tạo lưới điện nông thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ở nông thôn, với khối lượng: 136,239km đường dây trung áp, 273,187km đường dây hạ áp, 211 trạm biến áp/9.472,5kVA với tổng vốn đầu tư là khoảng 139,965 tỷ đồng.

- Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Long An theo QĐ 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính Phủ: Với mục tiêu đảm bảo đến năm 2020 hầu hết các hộ dân nông thôn có điện, đồng thời cấp điện cho các trạm bơm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, Công ty Điện lực Long An tổ chức triển khai trên 13 huyện trên địa bàn tỉnh Long An (trừ TP Tân An, thị xã Kiến Tường) với khối lượng thực hiện của dự án gồm: 377,39km đường dây trung áp, 688,77km đường dây hạ áp, 768 trạm biến áp/68.087,5kVA với tổng vốn đầu tư của dự án là khoảng 484,514 tỷ đồng.

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây

a. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm:

Kiểm tra những công trình trọng điểm trong vùng nguy cơ cao xảy ra thiên tai như hệ thống đê bao, các cống đầu mối, đường giao thông, cầu giao thông, các công trình công cộng khác... có kế hoạch xử lý kịp thời các hư hỏng, đảm bảo phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai.

b. Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất:

Xác định cụ thể và chính xác các địa điểm an toàn đảm bảo di dời tất cả các hộ dân trong khu vực nguy cơ cao, không đảm bảo an toàn về nơi trú ẩn an toàn.

Tuyên truyền vận động người dân chủ động thực hiện công tác phòng chống thiên tai, không chủ quan và trông chờ ỷ lại. Đảm bảo hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

c. Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc trong quá trình chỉ huy, điều hành:

Lực lượng Công an phối hợp với Quân sự bố trí chốt chặn, hướng dẫn người dân tại các vị trí xung yếu, đảm bảo an toàn cho người dân khi tham gia giao thông. Đồng thời hỗ trợ nhân dân di dời đến nơi an toàn và bảo đảm an ninh trật tự tại các điểm trú tránh.

Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trực ban 24/24 giờ để truyền đạt thông tin về thiên tai, chỉ huy điều hành đến các bộ phận, các tiểu ban đảm bảo thông tin xuyên suốt, kịp thời ứng phó, cứu hộ cứu nạn.

d. Phối hợp chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

Thực hiện theo Quyết định kiện toàn lại Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh năm 2017, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Từng thành viên có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công và bám sát địa bàn phụ trách để hướng dẫn, phối hợp chỉ đạo ở địa phương trong công tác phòng tránh, ứng phó với thiên tai.

đ. Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai:

Huy động mọi nguồn lực sẵn có trong nhân dân. Khi có trường hợp khẩn cấp đề nghị cấp trên bổ sung thêm lực lượng để hỗ trợ giúp địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

e. Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm:

Đảm bảo phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”. Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Công an tỉnh, các Sở, ban ngành và địa phương chủ động kiểm kê, bảo quản các trang thiết bị hiện có, mua sắm thêm vật tư, phương tiện trang thiết bị và đề xuất cấp trên hỗ trợ khi cần thiết. Thực hiện biện pháp vận động huy động các nguồn lực trong nhân dân, hợp đồng với các chủ phương tiện vận tải để sẵn sàng cơ động ứng cứu, hỗ trợ nhân dân di dời và khắc phục hậu quả.

Giao Sở Công Thương thực hiện các phương án dự trữ cũng như ký kết hợp đồng với các đại lý cung cấp lương thực, thực phẩm, xăng dầu, vật tư, nhu yếu phẩm khác,... để phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai hàng năm

f. Tổ chức tập huấn:

Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các địa phương tổ chức huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai cho lực lượng cứu hộ, cứu nạn cấp xã và nhân dân.

g. Tổ chức thường trực, trực ban: Tiếp nhận và truyền đạt thông tin về dự báo, cảnh báo và chỉ đạo về công tác PCTT của Trung ương, tỉnh đến BCH PCTT và TKCN huyện, thị xã và thành phố Tân An triển khai thực hiện.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể

a. Đối với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, triều cường, sạt lở đất:

- Sơ tán người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra, đặc biệt các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;
- Kiểm đếm và thông tin các tàu thuyền đang đánh bắt thủy sản ngoài biển di chuyển đến nơi tránh trú an toàn. Các hộ nuôi trồng thủy sản có kế hoạch tu bổ bờ ao, đê và thu hoạch;
- Triển khai các biện pháp khẩn cấp bảo vệ sản xuất nông nghiệp
- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, kết cấu hạ tầng trên địa bàn;
- Kiểm tra và xử lý kịp thời các sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;
- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất và khu vực nguy hiểm khác;
- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;
- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;
- Huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

b. Đối với hạn hán và xâm nhập mặn:

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với địa phương;
- Sử dụng nước từ các hồ chứa nước (hầm đất) để chống hạn tạm thời, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;
- Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm hoạt động;
- Phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, có kế hoạch vận hành, điều tiết các công đầu mỗi hợp lý sao cho đảm bảo được nguồn nước một cách tốt nhất phục vụ sản xuất.
- Xây dựng kế hoạch lắp đặt thiết bị quan trắc tự động về mực nước, chất lượng nước ở các huyện phía Nam.

c. Đối với dông lốc, sét:

- Triển khai hướng dẫn cho người dân các biện pháp phòng tránh và ứng phó an toàn với tình trạng dông lốc, sét xảy ra, đặc biệt đối với người dân sống ở khu vực có khả năng thường xảy ra dông lốc, sét.
- Tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các cuộc họp dân về mức độ nguy hiểm khi thiên tai xảy ra (cụ thể từng loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn). Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn và vận động nhân dân chằng chống nhà cửa trước mùa mưa, bão để đảm bảo an toàn.
- Xây dựng kế hoạch lắp đặt hệ thống cảnh báo sét ở các địa phương thường xảy ra sét.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân

- a) Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm, phối hợp với các lực lượng chức năng tìm kiếm người, phương tiện mất tích (nếu có).
- b) Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;
- c) Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;
- d) Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;
- e) Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
- f) Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở (nhà bạt);
- g) Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ

- a) Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;
- b) Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- c) Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
- d) Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- e) Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1.1. Kien toan Ban Chi huy PCTT va TKCN cac cap tu tinh den dia phuong vaphan cong cu the nhiem vu cac thanh vien Ban Chi huy va phu trach cac khu vuc,linh vuc.

1.2. Tat ca cac dia phuong phai xay dung ke hoach PCTT va TKCN nam 2017phu hop va sat voi thuc te o dia phuong minh de chu dong cac bien phap phongtranh, ung pho voi tinh huong xau co the xay ra mot cach co hieu qua (tren co so kehoach PCTT giai doan 2016 – 2020 cua dia phuong).

1.3. Thuong xuyen theo doi cac ban tin dự báo thời tiết, thiên tai để chủ động trong công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó. Trao đổi thông tin, liên lạc với chính quyền địa phương để nắm chắc các số liệu cơ bản về tình hình địa bàn được phân công phụ

trách quản lý. Báo cáo kịp thời những khả năng thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn phụ trách về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để chủ động trong công tác chỉ huy

1.5. Triển khai thực hiện lồng ghép Kế hoạch Phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.6 Giao cơ quan Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Xác định nguồn lực thực hiện

2.1. Công tác đảm bảo

a. Đảm bảo thông tin liên lạc khi thiên tai xảy ra:

- Các Sở, ngành và địa phương thông tin trao đổi hoặc có báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh qua các số điện thoại:

+ Văn phòng thường trực BCH PCTT và TKCN tỉnh (Chi cục Thủy lợi). Điện thoại: 3521.750 - 3822.856; Fax: 3522.400 - 3839737.

+ Ủy viên thường trực : Võ Kim Thuận (Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi). Điện thoại: 3526.045; di động: 0976.514.861.

+ Trục ban Chỉ huy Tìm kiếm cứu nạn : Thượng tá Đặng Hoàng Tuấn, Phó Tham mưu trưởng, BCH QS tỉnh.

b. Đảm bảo cơ động:

BCH PCTT và TKCN, Đội Tìm kiếm cứu hộ cứu nạn (Bộ Chỉ huy Quân sự) tỉnh tổ chức trực 24/24, chuẩn bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ.... đảm bảo ứng cứu kịp thời khi có lệnh hỗ trợ cho các huyện, thị xã và TP Tân An.

2.2. Nguồn lực thực hiện

- BCH PCTT và TKCN tỉnh, lực lượng Công An, Quân sự, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tỉnh. Ngoài ra, tùy theo cấp độ rủi ro của từng loại thiên tai để có huy động lực lượng hỗ trợ từ cấp trên.

- Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm.... giao cho các đơn vị liên quan chuẩn bị đảm bảo cơ sở phục vụ cho công tác PCTT, huy động từ các nguồn ngân sách nhà nước và cộng đồng.

- Hệ thống thông tin liên lạc, truyền thông của tỉnh, của địa phương.

- Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân phải tổ chức vận động quyên góp khi cần thiết.

- Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước hàng năm chưa được phân bổ thường xuyên, chỉ khi xảy ra thiệt hại mới được hỗ trợ.

3. Giám sát đánh giá:

- UBND các địa phương, phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch PCTT và TKCN hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

- Chỉ đạo tỉnh, các huyện, xã hàng năm củng cố, kiện toàn Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng để lập kế hoạch giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng.

- Trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo cáo đánh giá của các sở, ngành, và địa phương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh sẽ rà soát nội dung, tiến độ của kế hoạch PCTT năm 2017, tiến hành điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

4. Báo cáo tình hình thực hiện, tổng kết rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

a) Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản cần báo cáo đột xuất về UBND tỉnh nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

b) Báo cáo định kỳ: Hàng tháng các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch của đơn vị, địa phương về UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được trong quá trình triển khai, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

- Cuối năm các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch PCTT của đơn vị, địa phương về UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo cuối năm nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh hàng năm.

Những bài học kinh nghiệm đã được rút ra:

Từ những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho thấy: Công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai cần thực hiện tốt phương châm: "**Chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả**" trong đó: Lấy phòng, tránh là chính trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

- Trong chủ động phòng, tránh phải coi trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai.

- Trong ứng phó với thiên tai phải chú trọng phương châm "*4 tại chỗ*", trong đó phải phát huy sức mạnh nội lực và đặc thù của địa phương, đồng thời phải củng cố lực lượng cứu hộ, cứu nạn.

- Trong khắc phục hậu quả phải chú trọng tất cả các mặt: Cứu trợ khẩn cấp, khôi phục và tái thiết trên cơ sở sử dụng có hiệu quả đúng mục đích nguồn lực hỗ trợ về vật chất và tài chính; tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các cá nhân trong và ngoài nước, đồng thời phát huy vai trò của cộng đồng trong việc cứu chữa, giúp đỡ người bị nạn, ổn định đời sống, xử lý môi trường, phục hồi sản xuất.

Do đó công tác phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa để giảm bớt thiệt hại về người và tài sản của nhân dân cũng như của Nhà nước. Để làm tốt việc đó, BCH PCTT và TKCN tỉnh phải thường xuyên tham mưu cho tỉnh các biện pháp công trình và phi công trình một cách khả thi và hiệu quả.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nâng cao sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, cán bộ và nhân dân nhận thức đúng đắn về vai trò nhiệm vụ của công tác phòng chống thiên tai.

- Thường xuyên theo dõi thời tiết, chấp hành nghiêm các chỉ thị, kế hoạch, chỉ đạo của cấp trên.

- Chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt (*4 tại chỗ*) sẵn sàng, kịp thời ứng phó với các tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có), nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.

- Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.

Phần III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2016, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các địa phương, sự tham gia phối hợp có hiệu quả của các sở, ban ngành liên quan. Đặc biệt, nhờ sự quyết tâm chỉ đạo tích cực và chủ động theo phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng” trong phòng ngừa, ứng phó của các cấp ủy, chính quyền địa phương đã góp phần giảm nhẹ thiệt hại thiên tai.

Để phát huy tính chủ động và thực hiện tốt hơn trong công tác PCTT và TKCN năm 2017, UBND tỉnh có một số kiến nghị như sau:

*** Đối với Trung ương:**

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để triển khai thực hiện Đề án 1002.

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai theo Điều 15 Luật Phòng chống thiên tai.

- Hỗ trợ cho tỉnh các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác PCTT và TKCN.

*** Đối với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:**

- Triển khai các lớp tập huấn Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng về Đánh giá rủi ro thiên tai đưa vào cộng đồng và tập huấn giảng viên cấp huyện theo Đề án 1002.

- Rà soát nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong công tác quản lý thiên tai từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đến các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An.

*** Đối với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, xã:**

- Xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN theo Điều 15 Luật Phòng chống thiên

tai với nội dung, giải pháp phòng tránh, ứng phó thiên tai hiệu quả, sát với tình hình thực tế từng địa phương.

- Tổ chức trực ban nghiêm túc, báo cáo kịp thời về Văn phòng thường trực BCH PCTT và TKCN tỉnh, kết hợp tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức cộng đồng đối với công tác PCTT và TKCN./.

Nơi nhận:

- BCD TW về PCTT (b/c);
- Chi cục PCTT khu vực Miền Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các thành viên BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- VPTT BCH PCTT-TKCN tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN các huyện, tx Kiến Tường, và tp Tân An;
- Lưu: VT, CCTL- Huy (43b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cần